

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2009/06/15			Wen_Hsien_Jui	Hsu_Chen_Feng	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
	2013/08/23	訂正註記	T-VNM-13-08-368	CHANG_MSIU_PING	LIW_JUNG_PING	$6 < , \leq 30$ ± 0.2
						$30 < , \leq 120$ ± 0.3
						$120 < , \leq 400$ ± 0.5

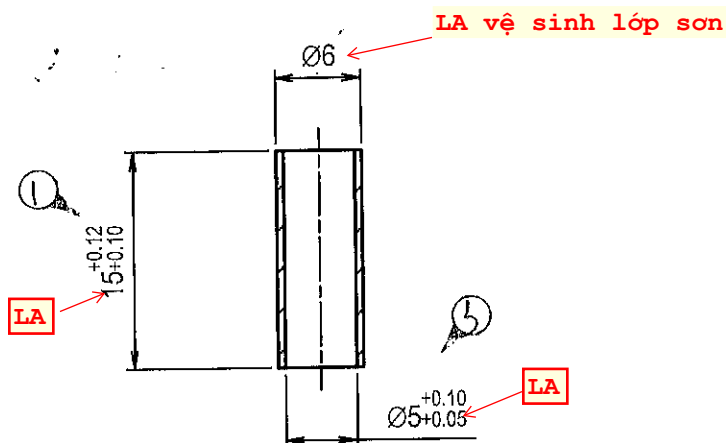
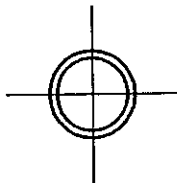
12/17

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-JIS B 0419-k



FINISH MARKS

1.6

全C0.1(SC-136)



120/10

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Wen_Hsien_Jui	Hsu_Chen_Feng	部品図	スペースシャフト
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	SPACE SHAFT
HRC	S0B	部品図	間隙軸
MATERIAL	DATE	SCALE	間隙軸
S45C	2009/06/15	2:1	DWG.No.
		 	S858311

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 211 0435

SNO: **S858311**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS2 Ø6*20	LA:30 AB:10